TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-ST.
Ngày: 29-7-2022.
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

2. Bà Pn Thị Nga,

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 321/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 299/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960; nơi cư trú: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Quốc N, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp M, thị trấn T, huyện C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn (giấy ủy quyền ngày 09/5/2022); xin vắng mặt

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn O, sinh năm 1956; nơi cư trú: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt

Bà Trương Thị H, sinh năm 1959; nơi cư trú: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn Bà Nguyễn Thị P trình bày: Do quen biết, ngày 31/12/2021, bà có cho vợ chồng Ông Trần Văn O, bà Trương Thị H vay số tiền 70.000.000 đồng để lo công việc gia đình, hai bên có làm giấy nhận nợ, ông O, bà H có ký tên vào giấy nhận nợ. Ông O, bà H hứa đến ngày 20/01/2022 sẽ đóng lãi cho bà, nhưng đến thời gian thỏa thuận ông O, bà H không có đóng lãi cho bà; khi vay giữa bà và ông O, bà H không có thỏa thuận lãi suất. Ông O, bà H hứa đến ngày 15/3/2022 (trong giấy nhận nợ ghi nhầm ngày 15/3/2021) sẽ trả lại vốn cho bà nhưng đến nay vẫn chưa trả. Vì vậy, bà yêu cầu ông O, bà H trả lại cho bà số vốn vay 70.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01/01/2022 đến khi Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu luật pháp luật

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Bùi Quốc N trình bày: Do chỗ quen biết, ngày 31/12/2021, bà P có cho ông O, bà H vay số tiền 70.000.000 đồng, giữa bà P, ông O, bà H có làm giấy nhận nợ, ông O, bà H có ký tên vào giấy nhận nợ, khi vay không có thỏa thuận lãi suất nhưng ông O, bà H hứa đến ngày 20/01/2022 sẽ đóng lãi cho bà P nhưng đến thời gian trên ông O, bà H không có đóng lãi cho bà P. Ông O, bà H có hứa đến ngày 15.3.2022 (trong giấy nợ ghi nhầm ngày 15.3.2021). sẽ trả lại vốn cho bà nhưng đến nay vẫn chưa trả. Vì vậy, bà P yêu cầu ông O, bà H trả lại cho bà số vốn vay 70.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01/01/2022 đến khi Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu luật pháp luật

Ông Trần Văn O, Bà Trương Thị H đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông O, bà H vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa: Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến thay đổi yêu cầu khởi kiện tại đơn xin xét xử vắng mặt đối với yêu cầu tính lãi chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn, Ông Trần Văn O, Bà Trương Thị H vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị P.

Buộc Ông Trần Văn O, Bà Trương Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho Bà Nguyễn Thị P số tiền 70.000.000 đồng; tiền lãi do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chấp nhận yêu cầu nguyên đơn về tính lãi là phù hợp với quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền vay còn nợ của nguyên đơn đây là tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Ông Trần Văn O, bà Trương Thị H trả số tiền vay còn nợ. Đây là quan hệ tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3]. Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, bị đơn ông Trần Văn O, bà Trương Thị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[4]. Về thu thập chứng cứ:

Nguyên đơn cung cấp giấy nhận nợ ngày 31/12/2021, Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

** Về nội dung vụ án:*

[5]. Về hợp đồng, yêu cầu khởi kiện: Bà P yêu cầu vợ chồng ông O, bà H trả số tiền 70.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 31/12/2021. Tại tờ tự khai của nguyên, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông N xác định nguyên đơn bà P có cho ông O, bà H vay số tiền 70.000.000 đồng có viết giấy nhận nợ và thỏa thuận thời gian trả, có thỏa thuận thời gian trả lãi nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông O, bà H không có ý kiến phản đối lại yêu cầu của nguyên đơn. Đến hạn trả nợ, ông O, bà H không thục hiện đúng nghĩa vụ đã giao kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P. Căn cứ Điều 357, 463, 466 bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 70.000.000 đồng.

[6]. Trách nhiệm liên đới: Bà P, người đại diện ủy quyền của bà P cho rằng đây là nợ chung của ông O, bà H nên ông O, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà P số tiền còn nợ. Tại biên bản xác minh của Tòa án cũng thể hiện ông O, bà H sống chung với nhau như vợ chồng và tại giấy nhận nợ thì ông O, bà H cùng ký tên vào giấy nhận nợ thừa nhận còn nợ bà P số tiền 70.000.000 đồng. Do đó căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc ông O, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà P số tiền 70.000.000 đồng.

[7].Về yêu cầu tính lãi: Bà P yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01.01.2022 đến khi Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật, trong giấy nhận nợ không thỏa thuận lãi suất bao nhiêu, tại đơn xin xét xử vắng mặt người đại diện ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi từ ngày 01.01.2022 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm, việc thay đổi yêu cầu tính lãi của nguyên đơn không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, và có lợi cho bị đơn. Do ông O, bà H không có ý kiến phản đối, nên các bên không có tranh chấp về lãi suất, lãi suất được tính theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, cụ thể: 70.000.000 đồng x 10%/năm x 209 ngày = 4.064.000 đồng.

[8]. Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông O, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà P số tiền vốn 70.000.000 đồng, tiền lãi 4.064.000 đồng và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về quan điểm giải quyết án.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P được miễn nộp tạm án phí theo quy định pháp luật nên không xem xét tạm ứng án phí.

Bị đơn thuộc trường hợp người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn nộp án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, 35, 39, 68, 92, 144, 147,227, 228, 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 288, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị P.

Buộc Ông Trần Văn O, bà Trương Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho Bà Nguyễn Thị P số tiền vốn 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, tiền lãi

4.064.000 (bốn triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi 74.064.000 (bảy mươi bốn triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn O, bà Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.703.000 (ba triệu bảy trăm lẻ ba nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị P được miễn nộp tạm án phí theo quy định pháp luật nên không xem xét tạm ứng án phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thi